TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST
Ngày 10/01/2022
"Về việc ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quyết và ông Bùi Văn Thiệu.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Quang Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Dương, xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý sơ thẩm số 447/2021/ST-HNGĐ ngày 25/10/2021 về việc ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2021/QĐST- HNGĐ ngày 09/12/2021 và Quyết định hoãn phiên toà số 80/2021/QĐ-ST ngày 24/12/2021, giữa đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tăng Thị H, sinh năm 1999; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Mai Xuân M, sinh năm 1996; Nơi ĐKHKTT: Số 6 H, phường Q, TP. H, tỉnh Hải Dương; Chỗ ở: Số 38/40 Q, khu X, phường P, thành phố H.

(Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn chị Tăng Thị H thể hiện:* Chị và anh Mai Xuân M tự do tìm hiểu, kết hôn tự nguyện và có đăng kí kết hôn tại UBND phường Q, thành phố H vào ngày 16/8/2018. Quá trình chung sống, vợ chồng ở cùng với bố mẹ chồng và hạnh phúc được 02 năm thì mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh M không tu chí làm ăn dẫn đến nợ nần. Khi chị góp ý, anh M không nghe, chửi mắng và đánh chị. Chị nhiều lần bỏ về mẹ đẻ ở P, Đ, T, Hải Dương. Từ tháng 6 năm 2021 chị về ở hẳn với mẹ đẻ, không sống cùng anh M. Anh M không có ý đoàn tụ mà gọi điện xúc phạm, đe doạ nên chị quyết định ly hôn. Chị cho rằng chị đã tha thứ cho anh M nhiều lần và đến nay chị không còn tình cảm với anh M nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Về con chung: Chị và anh M 01 con chung là cháu Mai Xuân P, sinh ngày 22/01/2019. Khi ly hôn, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được nuôi con và không yêu cầu anh M cấp dưỡng. Căn cứ chị xin được nuôi con vì cháu P dưới 36

tháng tuổi và đang ở với chị. Chị xuất trình các tài liệu chứng minh về công việc, thu nhập làm công nhân của công ty TNHH sản phẩm giấy L thuộc khu công nghiệp A, địa chỉ ở phường V, TP. H, thu nhập trung bình từ 07 triệu đến 08 triệu đồng/tháng. Hiện, chị và con ở trên nhà đất của mẹ đẻ ở thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị và anh M không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

* *Theo lời khai của bị đơn thể hiện:* Về kết hôn và quá trình chung sống vợ chồng như chị H trình bày là đúng. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn thì thường xuyên xảy ra cãi nhau, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp. Chị H bỏ nhà đi khoảng nửa năm nay, không sống chung cùng anh. Nay, chị H đề nghị Toà án giải quyết ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung của vợ chồng như chị H trình bày. Vì chị H sống không đạo đức, trước khi nộp đơn ly hôn đến Toà án không thông báo bàn bạc với anh nên anh không đồng ý để chị H nuôi con. Anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng. Hiện, anh là lao động tự do, chở hàng thuê bằng xe máy, thu nhập bình quân khoảng 07 triệu đồng/tháng.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung, anh chị không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Các văn bản tố tụng của Toà án, anh đều đã nhận được nhưng do chị H nộp đơn đến Toà không bàn bạc, thông báo nên anh không đến Toà án làm việc. Anh đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt anh.

* Kết quả xác minh khu dân cư số X, phường P nơi vợ chồng trước đây chung sống: Anh Mai Xuân M cùng với bố mẹ đẻ có đăng ký tạm trú và sinh sống ở địa chỉ số 38/40 Q, khu X, phường P, thành phố H. Hiện tại, anh M chạy xe thuê, công việc không ổn định. Khoảng vài tháng nay, chị H không chung sống cùng anh M, nguyên nhân không rõ. Anh chị có 01 con chung, thời gian đầu thấy cháu bé sống cùng với anh M nhưng gần đây không thấy ở với anh M nữa. Khu dân cư đề nghị Toà án giải quyết việc ly hôn giữa chị H và anh M theo quy định của pháp luật, nếu vợ chồng ly hôn đề nghị Toà án xem xét cho chị H được nuôi con, vì cháu còn nhỏ tuổi cần mẹ chăm sóc.

* Quan điểm của bà Vũ Thị C-mẹ đẻ anh M: Chị H và anh M là vợ chồng và có 01 con chung cháu Mai Xuân P. Quá trình chung sống, chị H không quan tâm đến anh M, không có trách nhiệm với gia đình chồng. Khi anh M làm ăn thua lỗ, chị H không chia sẻ mà ruồng bỏ. Nay chị H xin ly hôn với anh M, bà đồng ý. Việc giải quyết con chung do chị H và anh M quyết định nhưng nếu cháu P được ở với chị H sẽ tốt hơn vì cháu còn nhỏ tuổi.

* Quan điểm của bà Nguyễn Thị L- mẹ đẻ chị H: Chị H và anh M là vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xảy ra cãi nhau làm chị H bỏ về nhà bà ở nhiều lần. Bà đề nghị giải quyết cho chị H được ly hôn và được quyền nuôi con. Bà sẽ tạo mọi điều kiện về chỗ ở cũng như hỗ trợ chị H chăm sóc

cháu.

Tại phiên tòa:

- Các bên đương sự đều vắng mặt, có đơn và có ý kiến xét xử vắng mặt.

- Đại diện VKSND thành phố Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa tiến hành thụ lý, thu thập tài liệu chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát theo đúng quy định tại BLTTDS. Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về trình tự tại phiên tòa sơ thẩm của BLTTDS. Nguyên đơn chấp hành, bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS. Ý kiến về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX) căn cứ các quy định của pháp luật, xử: Cho chị H được ly hôn anh M; về con chung, giao chị H được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Mai Xuân P, chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con; về quan hệ tài sản, do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, nuôi con với bị đơn Mai Xuân M, có nơi cư trú: Số 38/40 Q, khu X, phường P, thành phố H. Nên vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố Hải Dương, theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng cả hai đều vắng mặt và có đơn, có ý kiến xin xét xử giải quyết vụ án vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Tăng Thị H và anh Mai Xuân M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 16/8/2018 tại UBND phường Q, thành phố H nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị H và anh M hạnh phúc được 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nên trong cuộc sống vợ chồng không quan tâm, chia sẻ, động viên nhau. Khoảng tháng 6/2021, chị H không sống chung cùng anh M. Nay, chị H nộp đơn xin được ly hôn, anh M đồng ý. Xét thấy, chị H và anh M chung sống không hạnh phúc, tình nghĩa vợ chồng không còn nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H được ly hôn với anh M.

- Về con chung: Chị H và anh M có 01 con chung là Mai Xuân P, sinh ngày 22/01/2019. Căn cứ lời khai các bên, kết quả xác minh và các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp có cơ sở xác định: Cháu Mai Xuân P dưới 36 tháng tuổi và hiện đang sống cùng chị H, do chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Nên căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, cần giao cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung

là phù hợp.

Khi được nuôi con, chị H không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu này của chị H là tự nguyện và không trái quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung, chị H và anh M đều trình bày không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy, quan hệ này Toà án không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/NQ- UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Tăng Thị H được ly hôn anh Mai Xuân M.

2. Về con chung: Chị Tăng Thị H và anh Mai Xuân M có một con chung là Mai Xuân P, sinh ngày 22/01/2019. Giao cho chị Tăng Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Mai Xuân P cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

3. *Về án phí:* Chị Tăng Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0001569 ngày 19/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương (đã thi hành xong).

4. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND TP. Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- UBND P. Q, TP. H;
- Các đương sự;
- Lưu Tòa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vũ Thị Hà